

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/DS-ST
Ngày: 07/02/2025
Về việc “*Tranh chấp
hợp đồng mua bán tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Phú**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hồng**.
- Ông **Nguyễn Trương Nguơn**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phan Thanh Sang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 07 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 417/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông L: Chị **Trần Thị Kim P**, sinh năm 1987
(Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

+ Ông **Trần Ngọc M**, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

+ Bà **Huỳnh Kha L**, sinh năm 1976 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Thành L và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Trần Thị Kim P trình bày:

Năm 2019, vợ chồng ông M, bà L có mua thức ăn tại cửa hàng của ông L

để chăn nuôi. Ngày 28/8/2019, hai bên đối chiếu nợ thì ông M, bà L còn nợ ông L 9.878.000 đồng, ông M có ký xác nhận nợ, hẹn 02 tháng trả hết nợ. Từ đó đến nay, ông L nhắc nhở và yêu cầu ông M, bà L trả nợ nhiều lần nhưng ông bà không thực hiện.

Ông L yêu cầu ông M, bà L có nghĩa vụ liên đới trả tiền mua thức ăn còn nợ là 9.878.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 28/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83% tháng.

Ngoài ra, ông L không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Trần Ngọc M, bà Huỳnh Kha L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông M, bà L vẫn vắng mặt không lý do, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là ông M, bà L có nơi cư trú tại ấp Lợi An, xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét việc vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa: Chị Phụng có đơn xin vắng mặt; ông M, bà L đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị Phụng, ông M, bà L.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về yêu cầu trả nợ gốc:

Ông L yêu cầu ông M, bà L trả tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 9.878.000 đồng. Để chứng M cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông L đã giao nộp giấy tay ghi chép nợ có chữ ký tên thừa nhận nợ của ông M. Mặc khác, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt cho ông M, bà L Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng tài liệu, chứng cứ của ông L giao nộp. Nội dung Thông báo về việc thụ lý vụ án có nêu rõ ông L yêu cầu ông M, bà L có nghĩa vụ trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ 9.878.000 đồng, nhưng ông M, bà L không thể hiện ý kiến phản đối đối với yêu cầu của ông L xem như đã mặc nhiên thừa nhận những tình tiết mà ông L trình bày nêu trên là có thật. Do đó, có cơ sở để xác định yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 440

Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất chậm trả: Xét yêu cầu của ông L về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, từ ngày 28/8/2019 ông M, bà L không thực hiện trả tiền, nên phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Thời gian từ ngày 28/8/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 0,83%/ tháng. Như vậy, số tiền lãi là: 9.878.000 đồng x 0,83%/tháng x 65 tháng 09 ngày = 5.353.743 đồng.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu của ông L được chấp nhận toàn bộ nên ông M, bà L phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí ông M, bà L phải nộp được xác định: 15.231.743 đồng x 5% = 761.587 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 288, 357, 430, 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L.

Buộc ông Trần Ngọc M và bà Huỳnh Kha L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thành L số tiền 15.231.743 đồng (Mười lăm triệu hai trăm ba mươi một nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Ông Trần Ngọc M và bà Huỳnh Kha L phải liên đới nộp 761.587 đồng (Bảy trăm sáu mươi một nghìn năm trăm tám mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thành L là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Thành L, ông Trần Ngọc M, bà Huỳnh Kha L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Phú